TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 83/2025/HS-PT
Ngày 07/8/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Đặng Đình Lực.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 703/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm 216/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: số nhà 11, ngõ 204 đường TKh, phường TH, thành phố Hà Nội (trước đây là số nhà 11, ngõ 204 đường TKh, phường TKh, quận TH, thành phố Hà Nội); nơi ở: Phòng 29B02 Chung cư Sun Square 21 LĐT, phường TL, thành phố Hà Nội (trước đây là Phòng 29B02 Chung cư Sun Square 21 LĐT, phường MĐ2, quận Nam TL, thành phố Hà Nội); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thanh tra viên Thanh tra thành phố Hà Nội (hiện đang tạm đình chỉ công tác theo Quyết định số 5913/QĐ-TTTP ngày 24/11/2024); trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu Th (đã chết) và con bà Trịnh Thị B; có vợ là Trần Thị Diệu H; có 02 con; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Trọng Th2 (sinh năm 1970; trú tại số nhà 51, phố ĐC, phường ĐC, quận BĐ, thành phố Hà Nội) có quan hệ thân thiết và làm ăn chung với Đặng Hồng Đ (sinh năm 1974; trú tại số nhà 227, phố LĐ, quận Hai BTr, thành phố Hà Nội) từ năm 2008. Khoảng tháng 12/2021, ông Th2 có mua thửa đất diện tích 579m² tại tổ 1, cụm 1, phường PTh, quận TH, Hà Nội (gọi tắt là thửa đất Bến B2). Do thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Th2 đã nhờ Đặng Hồng Đ giúp. Đ giới thiệu với ông Th2, từ năm 2009 đến nay Đ có quen biết với Nguyễn Hữu Q (sinh năm 1978; trú tại số nhà 11, ngõ 204, phố TKh, phường TKh, quận TH, thành phố Hà Nội, là Thanh tra viên thuộc Thanh tra thanh thành phố Hà Nội), Q không có nhiệm vụ trong việc giải quyết các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Q làm việc cấp thành phố, có nhiều mối quan hệ nên có khả năng và ảnh hưởng để tác động đến các cán bộ có thẩm quyền phụ trách trực tiếp giải quyết các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Th2 muốn nhờ "chạy" giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Đ sẽ nhờ Q giúp, ông Th2 đồng ý. Sau đó, ông Th2 chụp ảnh Quyết định huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản trả lời của Thanh tra Chính phủ về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi cho Đ và định vị thửa đất Bến B2 tại tổ 1, cụm 1, phường PTh, quận TH, Hà Nội qua Zalo cho Đ. Đ gọi điện thoại cho Q nhờ Q kiểm tra và "chạy" Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất này cho ông Th2, Đ chuyển những thông tin về thửa đất mà ông Th2 gửi qua Zalo cho Q. Lúc này, Q đang ở phòng làm việc nên đã vào phần mềm quy hoạch đô thị và sử dụng đất trên thành phố Hà Nội, Q kiểm tra thấy vị trí định vị phù hợp quy hoạch đất ở, nguồn gốc thửa đất có trước ngày 01/7/2004 là đủ điều kiện cấp sổ đỏ. Sau đó, Q gọi điện thoại cho Đ thông báo có thể làm được Giấy chứng nhận thửa đất này và phải nộp nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất. Đ hỏi Q chi phí để "chạy" được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất Bến B2 trên như thế nào để Đ báo cho Th2 biết. Q thông báo với Đ, tổng chi phí khoảng 10.000.0000.000 đồng, trong đó chi phí "bôi trơn, vận động" là 4.000.0000.000 đồng và tiền sử dụng đất phải nộp Nhà nước là 6.000.000.000 đồng (sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đ thông báo lại mức chi phí cho ông Th2 biết, ông Th2 đồng ý và xin đưa trước cho Q 2.000.000.000 đồng (50%) chi phí "bôi trơn, vận động", khi nào ra được sổ đỏ sẽ đưa nốt 50% còn lại. Đ gọi điện thoại trao đổi với Q thì Q đồng ý.

Khoảng cuối tháng 12/2021, ông Nguyễn Trọng Th2 gọi điện thoại cho Đ thông báo đã chuẩn bị được số tiền 2.000.000.000 đồng và nhờ Đ đi cùng đến gặp Nguyễn Hữu Q để giao tiền. Do phải đưa con đi học nên Đ bảo ông Th2 đến trụ sở Thanh tra thành phố Hà Nội gặp Q. Sau đó, ông Th2 xách 01 túi ni lông màu đen bên trong có 2.000.000.000 đồng lên xe ô tô, nhãn hiệu Land Cruiser màu nhũ vàng, biển kiểm soát 29A-282.07 do ông Trần Chí H2 (sinh năm 1970; trú tại

số 57, ngõ 71, phố TA, phường PX, quận BĐ, thành phố Hà Nội; là bạn ông Th2) điều khiển đưa ông Th2 đến phòng làm việc của Q tại số nhà 62, phố TQT, phường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội. Đ gọi điện thoại cho Q thông báo ông Th2 đến gặp Q nhưng Q yêu cầu Đ phải đến thì Q mới gặp do Q không quen biết ông Th2. Đ bảo ông Th2 ở xe ô tô chờ Đ, một lúc sau Đ đi xe ô tô đến đỗ phía sau xe của ông Th2. Sau đó, Đ cùng ông Th2 cầm theo túi 01 ni lông màu đen bên trong có 2.000.000.000 đồng đi vào phòng làm việc gặp Q tại phòng tiếp công dân của Thanh tra thành phố Hà Nội. Lúc này, Q đang ngồi tại bàn làm việc, ông Th2 vào phòng và đặt 01 túi ni lông màu đen bên trong có 2.000.000.000 đồng vào gầm bàn làm việc của Q. Đ giới thiệu với Q, ông Th2 là người mua đất và sẽ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất Bến B2, ông Th2 chuyển trước số tiền 2.000.000.000 đồng cho Q để nhờ Q "chạy" Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất của ông Th2, Q nhất trí. Sau đó, Đ và ông Th2 đi về.

Sau khi nhận tiền của ông Th2, Q không tác động với cá nhân, cơ quan, tổ chức nào để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 579m² tại tổ 1, cụm 1, phường PTh, quận TH, thành phố Hà Nội cho ông Th2 mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 03/6/2022, ông Th2 chết, trước khi chết ông Th2 viết tay "01 bản diễn giải xác nhận ngày 21/4/2022" để lại cho gia đình, trong đó có nội dung: "*... Tr (tức ông Th2) cầm tiền đi cùng H2 xuống TQT đưa cho Đ và Q bạn Đ 02 tỷ chẵn để Q ra thông báo sổ đỏ mảnh 579m² tại Bến B2, Đ đứng ra giúp và có % trong đó...*". Sau đó, chị Nguyễn Khánh V (con ông Th2) yêu cầu Nguyễn Hữu Q trả tiền nhưng Q không trả nên chị V và đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn B3 thuộc Văn phòng luật sư NB làm đơn đến Công an thành phố Hà Nội tố cáo Nguyễn Hữu Q chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Trọng Th2.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã thu giữ đồ vật, tài liệu sau:

- Thu giữ do ông Nguyễn Văn B3 (sinh năm 1955; trú tại số nhà 46, phố HC, phường HĐ, quận HK, thành phố Hà Nội), giao nộp: 01 bản diễn giải xác nhận ngày 21/4/2022 do ông Nguyễn Trọng Th2 viết tay.

+ 01 bản Vi bằng số 3966/VP-TPLBĐ ngày 22/10/2021 của Văn phòng thừa phát lại BĐ.

+ Uỷ nhiệm chi, sao kê tài khoản các lần chuyển tiền của ông Th2 06 tỷ đồng đến tài khoản số 19036260547017 mở tại Ngân hàng Techcombank đứng tên Nguyễn Anh T để mua mảnh đất của ông Ch, bà Ng.

+ 01 file ghi âm được lưu trữ bằng đĩa DVD-R ghi ngày 01/10/2020.

+ 01 bản Vi bằng số 2971/VB-TPLHBT của Văn phòng thừa phát lại Hai Bà Trưng.

+ 04 bản Vi bằng số 487, 488, 489, 490/VB-TPLHK ngày 10/8/2022 của Văn phòng thừa phát lại HK.

+ Đơn rút 01 phần nội dung tố cáo ngày 12/8/2023 của ông Nguyễn Văn B3 đối với Nguyễn Hữu Q.

- Thu giữ do Nguyễn Hữu Q giao nộp: 01 giấy biên nhận giao nhận tiền, giấy tờ với nội dung Q đã bàn giao cho chị Nguyễn Khánh V số tiền 02 tỷ đồng (bản phô tô).

- Thu giữ do anh Đặng Hồng Đ giao nộp:

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/6/2021.

+ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 13 promax, màu ghi, số IMEI 359978120242213.

Tại Biên bản xác minh hồi 15 giờ 15 phút ngày 08/5/2023 tại Thanh tra thành phố Hà Nội, thể hiện: *"…. Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1978, là Thanh tra viên thuộc Văn phòng Thanh tra thành phố Hà Nội"*.

Tại Biên bản xác minh hồi 17 giờ ngày 28/9/2023 của UBND phường PTh, quận TH về nguồn gốc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, tổ 1, cụm 1, phường PTh, Q TH, thành phố Hà Nội, thể hiện: *"…. Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, tổ 1, cụm 1, phường PTh, quận TH, Hà Nội có diện tích 996m^2, trong đó có 417m^2 đất ở được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở năm 2002; 579m^2 không cấp giấy chứng nhận, trong đó có 416m^2 đất lấn chiếm Uỷ ban nhân dân quận TH đã có Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 của UBND quận TH về việc thu hồi 416m^2 đất do ông Phạm Ngọc Khánh đã có hành vi vi phạm lấn chiếm đất"*.

Tại Kết luận giám định số 4202/KL-KTHS ngày 29/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội về chữ viết, chữ ký trên tờ giấy "Diễn giải xác nhận", kết luận:

"….Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng Th2 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 và chữ kỹ, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Trọng Th2 dưới chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là chữ do cùng một người viết và ký ra".

Trách nhiệm dân sự: Ngày 12/8/2023 và ngày 14/8/2023, Nguyễn Hữu Q đã khắc phục hậu quả trả cho gia đình ông Nguyễn Trọng Th2 số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn B3 đã rút đơn tố cáo đối với Nguyễn Hữu Q và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với Đặng Hồng Đ có hành vi giới thiệu ông Th2 đến gặp Q để nhờ Q "chạy" Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất của ông Th2. Kết quả điều tra xác định, do Đ đã quen biết với Q đã lâu nên khi Đ đặt vấn đề nhờ Q "chạy" cho Th2, Q hứa hẹn với Đ là giúp được nên Đ và ông Th2 tin tưởng đã đưa tiền cho Q. Đ không được Q bàn bạc và cũng không được

hưởng lợi gì, nên không đồng phạm với Q về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn B3 còn tố giác Đặng Hồng Đ và Nguyễn Anh T (sinh năm 1988; trú tại số nhà 53C, phường Văn Ch, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội) chiếm đoạt của ông Nguyễn Trọng Th2 số tiền 3.249.400.000 đồng trong việc mua thửa đất nông nghiệp có diện tích 561,6m^2 tại khu vực Chân Đê, đội 3, ngõ 238, phố AC, phường QA, quận TH, thành phố Hà Nội của vợ chồng ông Nguyễn Duy Ch và bà Vũ Thị Ng. Kết quả điều tra xác định việc mua bán trên là hợp đồng dân sự và ngày 27/3/2024, ông Bình có đơn rút đơn tố cáo đối với Đặng Hồng Đ và Nguyễn Anh T nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đặng Hồng Đ và Nguyễn Anh T.

Cáo trạng số 421/CT-VKS-P2 ngày 20/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2025/HS-ST ngày 01/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Xử phạt Nguyễn Hữu Q 07 (Bẩy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án hình phạt tù.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/4/2025, bị cáo Nguyễn Hữu Q kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Hữu Q vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm quy kết đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải và xuất trình thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới: bị cáo đã nộp án phí sơ thẩm, hiện mắc nhiều bệnh hiểm nghèo như suy thận mãn tính, suy tim, huyết áp cao, tiểu đường, bị tai biến phải điều trị thường xuyên, quá trình công tác bị cáo được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở và được tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo Q từ 18 đến 24 tháng tù.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm hình phạt cho bị cáo sớm được trở về làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và trong giai đoạn phúc thẩm không có kháng cáo kháng nghị do đó đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm quy kết; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của người làm chứng, nội dung các tài liệu đã được thẩm định, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Hữu Q là Thanh tra viên, công tác tại Thanh tra thành phố Hà Nội, không có chức năng, nhiệm vụ trong việc giải quyết các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thông qua Đặng Hồng Đ, bị cáo đã đưa ra thông tin là có thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại phường PTh, quận TH, thành phố Hà Nội (thửa đất Bến B2). Do tin tưởng Q có thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất Bến B2, nên khoảng cuối tháng 12/2021, ông Nguyễn Trọng Th2 được Đặng Hồng Đ giới thiệu đã chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng trực tiếp cho Nguyễn Hữu Q. Sau khi nhận tiền của ông Th2, Q không tác động với cá nhân, tổ chức nào có chức năng để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của ông Nguyễn Trọng Th2 mà sử dụng cá nhân hết. Tổng số tiền Q chiếm đoạt của ông Th2 là 2.000.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án

nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu Q, Hội đồng xét xử thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả; nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ đó xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 07 năm tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu Q xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp án phí sơ thẩm, bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình công tác, được Chánh thanh tra thành phố Hà Nội tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng bằng khen, được Tổng thanh tra Chính phủ tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp thanh tra; bị cáo hiện mắc nhiều bệnh hiểm nghèo như suy thận mãn tính, tiểu đường, tăng huyết áp, xơ vữa động mạch, xuất huyết não... thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện.

Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường toàn bộ cho bị hại, hiện bị cáo mắc nhiều bệnh hiểm nghèo, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ giảm một hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hữu Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017.

- Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu Q không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 - TAND tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- THADS Tp Hà Nội;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học